TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2018.
"V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Quang Kim Cúc;

Ông Đặng Văn Hai.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Cao Diễm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2017/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 18/2018/QĐST-DS, ngày 27 tháng 02 năm 2018; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số:377/TB-TA, ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh H; Sinh năm: 1980. Địa chỉ: ấp HN, xã LT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Minh T, Sinh năm: 1979. Địa chỉ: ấp HN, xã LT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Trần Minh T (về tranh chấp tài sản chung khi ly hôn) là ông Trần Thanh H, Sinh năm: 1963. Địa chỉ: (theo Giấy ủy quyền ngày 26/02/2018).

(*Tất cả các đương sự có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2017; Tờ tường trình ngày 15/01/2018; 23/01/2018 và ngày 29/01/2018; Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Vào khoảng tháng 8 năm 2008 chị H và anh T có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện LV vào ngày 06 tháng 01 năm 2009. Sống hạnh phúc không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cuộc sống gặp khó khăn về kinh tế nên anh anh T thường xuyên đi làm ăn

xa, vắng nhà nhiều ngày không tinh tưởng chị H nên khi về nhà anh T thường ghen tuông vô cố và có những lời lẽ thiếu tôn trọng chị H, chị H đã giải thích nhiều lần nhưng anh T không tin nên vợ chồng dẫn đến cải vả, không ai quan tâm đến ai. Hiện tại vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Nay chị H không còn tình cảm nữa, mục đích hôn nhân không thể duy trì nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Minh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Trần Minh Quân, sinh ngày 01/01/2012. Từ khi sinh con đến nay chị Hồng là người trực tiếp nuôi con. Chị H thừa nhận là anh T có gửi tiền cho chị để phụ chị nuôi con nhưng chỉ được vài tháng (cụ thể là đầu năm 2017 đến khoảng tháng 10/2017) mỗi tháng anh T gửi cho chị H số tiền 3.500.000 đồng. Từ khi chị H nộp đơn đến nay thì anh T không còn gửi tiền cho chị H để phụ chị nuôi con. Hiện tại chị H có vườn cây ăn trái đã thu hoạch điều kiện kinh tế đủ để nuôi dưỡng cháu Quân. Nay chị H yêu cầu nuôi cháu Q và không yêu cấp anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa Bị đơn Trần Minh T trình bày: Qua lời trình bày của chị H là đúng về thời gian quen biết và tổ chức đám cưới, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, huyện LV vào ngày 06/01/2009. Quá trình chung sống, thời gian đầu có hạnh phúc, do công việc làm ăn nên anh T phải đi làm xa cuối tuần về nhà 01 lần nhưng anh T vẫn quan tâm chăm sóc đến vợ con. Khoảng vài tháng nay anh T nhận thấy chị H có thái độ khác thường không còn quan tâm đến chồng. Sau đó anh T có tìm hiểu thì biết chị H có quan hệ với người đàn ông khác. Anh T và gia đình nhiều lần nhắc nhở nhưng chị H không thay đổi. Hiện nay vợ chồng đã ly thân không còn sống chung, tình cảm không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu ly hôn anh T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Minh Quân, sinh ngày 01/01/2012, hiện nay chị H là người trực tiếp nuôi con, anh T cũng có yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu yêu Hồng cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Trần Minh T (về tranh chấp tài sản chung khi ly hôn) là ông Trần Thanh H trình bày: Tại phiên tòa ngày 27/02/2018 anh Trần Minh T có yêu cầu chị H phải chia cho anh T số tiền hùn mua xe múc đất bùn là 135.000.000 đồng; Xe Air Blade biển số 66L1-012.24; Diện tích đất 3.900m^2 đất tại xã LT, huyện LV, Đồng Tháp do bà Lại Bạch V đứng tên QSD đất.

Đến ngày 28/03/2018 và cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Trần Thanh H có Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, việc tranh chấp về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Minh T theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Minh T sống chung tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã LTg, huyện LV vào ngày 06/01/2009, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa chị H cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh T thường xuyên đi làm xa nhà, không quan tâm chăm sóc vợ, con chu đáo, kinh tế gia đình không ổn định mà anh T không quan tâm tạo dựng phát triển kinh tế gia đình mà thường xuyên ghen tuông, có những phát ngôn thiếu tôn trọng chị H vì anh T cho rằng chị H có quan hệ với người đàn ông khác dẫn đến tình cảm giữa vợ chồng không còn, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài. Anh T cho rằng việc chị H xin ly hôn do chị H có quan hệ với người đàn ông khác bên ngoài nhưng anh T không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Nay chị H và anh T điều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, chị Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu ly hôn anh Trần Minh T đồng ý. Việc thuận tình ly hôn của chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên Trần Minh Quân, sinh ngày 01/01/2012 cả hai anh chị cùng có nguyện vọng được nuôi con. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng thì cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Anh T là tài xế xe, làm việc xa nhà, việc anh T không đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng vì cho rằng chị H không quan tâm, chăm sóc con chu đáo là không có cơ sở. Từ khi sinh con đến nay chị H là người trực tiếp nuôi con và hiện chị H đang nuôi và đã trực tiếp trông mon, chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, hiện tại cháu Quân phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Điều này chứng tỏ chị H có đủ điều kiện để tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt cho con. Cháu Quân mới 06 tuổi nên cần có sự chăm nom, chăm sóc của người mẹ. Nhằm giữ sự ổn định cho cháu Quân trong sinh

hoạt và học tập. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Trần Minh Quân cho chị Nguyễn Thị Thanh H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, anh Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng: Anh Trần Minh T là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị Nguyễn Thị Thanh H không yêu cầu, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Tại phiên tòa ngày 27/02/2018 anh Trần Minh T có yêu cầu chị H phải chia cho anh T số tiền hùn mua xe múc đất bùn là 135.000.000 đồng; Xe Air Blade biển số 66L1-012.24; Diện tích đất 3.900m^2 đất tại xã LT, huyện LV, Đồng Tháp do bà Lại Bạch V đứng tên QSD đất. Đến ngày 28/03/2018 và cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Trần Thanh H có Đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản và anh Trần Minh T cũng không có yêu cầu về phần tài sản cho nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55, Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trần Minh T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền tiếp tục nuôi con là Trần Minh Quân, sinh ngày 01/01/2012. Anh Trần Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trần Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng. Được khấu trừ 300.000 đồng mà Chị Nguyễn Thị Thanh H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 00875, ngày 13/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (Chị Nguyễn Thị Thanh H đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/4/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã (Thị Trấn);
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (CD.08b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm Nhung